TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 110/2026/HN-ST
Ngày: 25-6-2026
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thuý Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vũ
2. Ông Hà Công Tâm

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 280/2026/TLST - HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2026, về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2026/QĐST – HNGĐ, ngày 17 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 2002; Địa chỉ cư trú: 685/67 ấp L, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1997; Địa chỉ cư trú: 0 ấp Đ, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Chị T, anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 09/5/2026 và trong quá trình tố tụng, chị Lê Thị T trình bày*:

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Lý do: Chị và anh H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 14/6/2021. Quá trình chung sống lúc đầu có hạnh phúc và sinh được 01 con chung nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi. Không còn sống chung từ năm 2022 cho đến nay. Nay mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn tình cảm nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: Nguyễn Khánh D, sinh ngày 05/5/2020. Khi ly hôn, chị đồng ý để con cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi và chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày trong quá trình tố tụng:*

1. Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Lê Thị T vì không còn tình cảm, không thể sống chung được nữa.

2. Về con chung: Anh đồng ý trực tiếp nuôi con là Nguyễn Khánh D, sinh ngày 05/5/2020 và đồng ý chị Nguyễn Thị T1 cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long phát biểu cho rằng:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng

quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin vắng mặt.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2026); Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T. Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H; Con chung: Anh Nguyễn Văn H được trực tiếp nuôi con là Nguyễn Khánh D, sinh ngày 05/5/2020. Chị Lê Thị T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Tài sản chung: Không xem xét. Nợ chung: Không có. Chị Lê Thị T chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Lê Thị T, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung"*. Trong đó xác định chị Lê Thị T là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn H là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2026).

Xét việc vắng mặt của chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn H có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2026).

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T, thấy rằng:

Hôn nhân giữa chị T và anh H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc và có 01 con chung. Sau đó phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, thường xuyên cãi

nhau, dẫn đến vợ chồng không còn sống chung từ năm 2022 cho đến nay nhưng không tìm được hướng giải quyết mâu thuẫn. Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H là có thật. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án cũng đã tạo điều kiện để cho vợ chồng hòa giải tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng cả hai đều xin vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được, điều đó chứng minh chị T và anh H đều không có ý muốn hoà giải đoàn tụ. Nay chị T vẫn giữ quan điểm xin ly hôn và anh H cũng đồng ý ly hôn. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2. Về con chung: Nguyễn Khánh D, sinh ngày 05/5/2020. Khi ly hôn, chị T và anh H đều thống nhất để anh H trực tiếp nuôi con và chị T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy, khi thực hiện xác minh mâu thuẫn vợ chồng thì bà Trần Thị B là mẹ ruột của anh H cũng xác định con sống chung với bà và anh H từ nhỏ. Do đó, để đảm bảo về quyền lợi mọi mặt của con, cần để anh H trực tiếp nuôi con chung là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng, anh H cũng đồng ý nên ghi nhận, cấp dưỡng hàng tháng, bắt đầu từ tháng 6/2026 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị T và anh H không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị T và anh H trình bày không có, không ai yêu cầu, không giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, chị T chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2026).

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Nguyễn Khánh D, sinh ngày 05/5/2020, khi ly hôn anh Nguyễn Văn H được trực tiếp nuôi con. Chị Lê Thị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), cấp từng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 06/2026 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn H trình bày không có, không giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chị Lê Thị T phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009872 ngày 21 tháng 5 năm

2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị Lê Thị T phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;*
- *THADS tỉnh Vĩnh Long;*
- *Cơ quan thực hiện ĐKKH;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thuý Hằng